

oxyd, ZnO, dibasic calci phosphat, Mn sulfat và Kali sulfat.

Chỉ định : Bổ sung vitamin và muối khoáng cho cơ thể trong các trường hợp : người suy nhược, kém ăn, mệt mỏi, phụ nữ có thai, đang nuôi con bú, giai đoạn cơ thể đang phát triển, người già, Homtamin Ginseng, còn dùng cho các trạng thái Stress, lo âu, lao lực trí óc, lão suy....

Liều dùng : Người lớn : ngày uống 1 viên vào buổi sáng (cho loại Homtamin ginseng)

Hordenin

Dạng thuốc : Ống tiêm 0,25g, viên 0,05g.

Tác dụng : Alcaloid lấy ở mầm lúa mạch có tác dụng diệt khuẩn đường tiêu hóa.

Chỉ định : Ỉa chảy, đi tướt ở trẻ em.

Liều dùng : Người lớn : 0,25-0,5g/ngày. Trẻ em : cứ 1 tuổi ngày uống 0,05g. Tiêm dưới da 1-2 ống/ngày.

Hương liên hoàn

Dạng thuốc : Viên hoàn:

Hương liên và thỏ mộc hương, hai vị bằng nhau, tán thành bột, chế thành viên.

Chỉ định : Đau bụng - lỵ trực khuẩn.

Liều dùng : Uống 3g/ngày, chia làm nhiều lần uống.

Hương nhu hoàn

Dạng thuốc : Viên:

Hương nhu lá 80g

Bạch biên đậu sao bo vỏ 40g

Hậu phác tâm nước gừng sao 40g

Tán nhỏ thành bột, chế thành viên khoảng 1g

Chỉ định : Chữa đau bụng, ăn không tiêu.

Liều dùng : Uống 1-2viên/lần, dùng vài lần/ngày.

Hương sa chỉ truyệt hoàn

Dạng thuốc : Viên:

Sa nhân 4g

Mộc hương 6g

Chỉ thực 6g

Bạch truyệt 4g

Tán nhỏ thành bột, dùng nước bạc hà, và tá dược làm thành viên 0,25g

Chỉ định : Ăn uống không tiêu, nôn, mửa, đầy bụng, đau bụng.

Liều dùng : Uống 1 viên/lần x 2-3 viên/ngày.

Hydroxy ethyl starch

Tên khác : Hydroxy Ethylamidon; HES 200/0,5; Poly (0,2-Hydroxy Ethyl) Starch

Biệt dược : Elohes (Pháp)

HAES -Steril (Đức)

Hesteril và Lomol (Pháp)

Refortan (Đức)

Stabisol (Đức)

Dạng thuốc : Dung dịch tiêm truyền : 500ml đóng trong chai thủy tinh, túi hoặc chai polyethylen. Cứ 1 lít chứa 60g (6%) hoặc 100g (10%) HES trong nước cất kèm 9g NaCl, NaOH và HCl để có pH từ 3,5-6,0...

Tác dụng : Chất trùng phân tổng hợp, nguồn gốc từ tinh bột, gần với các gốc Hydroxy ethyl, với khối lượng phân tử trung bình 60.000 (200.000 dalton), có hoạt tính phân tử gần giống với glycogen ở cơ thể, nên dễ dàng dung nạp tốt dùng tiêm truyền để thay thế huyết tương (như Dextran)

Chỉ định : Phòng và trị triệu chứng giảm thể tích máu và sốc trong các trường hợp như :sau phẫu thuật, chấn thương, nhiễm khuẩn, bỏng rộng, sốt xuất huyết, mất nước và điện giải.

Để tiết kiệm máu trong phẫu thuật - Liệu pháp hòa loãng máu đẳng tích. ANH (viết tắt chữ : Acute- normo- volaemic Haemodilution) với loại 6%.

Hoặc hòa loãng máu để điều trị.

Liều dùng : Theo chỉ định của thầy thuốc dựa vào tình trạng giảm thể tích máu hoặc sốc và trọng lượng của bệnh nhân. Liều tối đa không quá 2g HES/kg/ngày và tốc độ truyền tĩnh mạch không quá 0,33ml/kg/phút. Nên bắt đầu truyền chậm (20ml đầu tiên) để phát hiện sớm các phản ứng mẫn cảm nếu có.

Chống chỉ định : Suy tim, hoặc thận, xuất huyết não, dị ứng với tinh bột, rối loạn đông máu nặng (trừ trường hợp cấp cứu nặng đe dọa tính mạng) nhất là chứng giảm đông máu do tiêu cầu, phụ nữ có thai, tăng lượng nước quá tải hoặc thiếu dịch nặng.

Lưu ý : Dùng thời gian dài có thể gây mẫn ngứa ngoài da

Nếu có phản ứng không dung nạp phải ngừng truyền ngay lập tức và xử trí như với sốc do huyết thanh thông thường.

Không nên trộn lẫn với các thuốc khác.

Không nên dùng với mục đích phòng ngừa ở phụ nữ khi trở dạ để có gây tê